

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP



Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp;
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 01/BB-ICC ngày 6 tháng 08 năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp như sau:

a) Ngành nghề kinh doanh đã đăng ký được ghi nhận trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn cho các chủ đầu tư trong và ngoài nước về các lĩnh vực: lập dự án, quản lý và tổ chức thực hiện dự án;	7110
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nhập khẩu máy móc, thiết bị và vật tư phục vụ chuyên ngành xây dựng, thể dục thể thao, vui chơi giải trí; Dịch vụ sắp xếp thư; Dịch vụ trông giữ xe;	8299
5.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Dịch vụ tổng hợp theo yêu cầu của khách hàng như: làm sạch thông thường bên trong, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng	8110
7.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
8.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
9.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
10.	Phá dỡ	4311
11.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Chi tiết: Đại lý kinh doanh vật liệu xây dựng (không hoạt động môi giới, đấu giá);	4610
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ - Chi tiết: Hoạt động quản lý hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;	5225
17.	Xây dựng nhà ở - Chi tiết: Xây dựng công trình nhà ở;	4101(Chính)
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng và lắp đặt các công trình giao thông, lâm nghiệp, thủy lợi, thương nghiệp, thể dục thể thao và vui chơi giải trí; - Xây dựng công trình công nghiệp và xây dựng khác	4299
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
20.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ quản lý khu nhà ở, chung cư cao tầng;	6820
22.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
23.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển - Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
24.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
26.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao - Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện bê tông;	2395
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710

b) Danh mục các ngành nghề đăng ký thay đổi nội dung về ngành nghề kinh doanh chi tiết:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	<i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa do Công ty kinh doanh;</i>	
3.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4610
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
6.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	6820
9.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
10.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

c) Các ngành nghề kinh doanh đăng ký bổ sung thêm:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà không để ở	4102
2.	Xây dựng công trình điện	4221
3.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
4.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
5.	Xây dựng công trình thủy	4291
6.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
7.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
8.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không gồm kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
16.	Bán buôn tổng hợp (Không gồm hàng hóa Nhà nước cấm)	4690
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
18.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
19.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
20.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
21.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
22.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
23.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4789
24.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4791
25.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4799
26.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
27.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không gồm các dịch vụ liên quan đến tài chính, tín dụng và chứng khoán);	6619
28.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
29.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
30.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;	2599
33.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
34.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
35.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4530
37.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
38.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
39.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410



Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp thông qua. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện việc đăng ký kinh doanh những ngành nghề tại Điều 1 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 6 tháng 08 năm 2024.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Các cổ đông (qua website công ty)
- Sở GDCKHN
- Lưu VP HĐQT

**TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đỗ Tiến Lợi

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp;
- Căn cứ tờ trình số 01 ngày 17/07/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua việc thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Căn cứ vào các Phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được từ các cổ đông.

Hôm nay, vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 6/08/2024 tại trụ sở Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp, Ban Kiểm phiếu của Công ty đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết với nội dung như sau:

1. Thông tin chung về tổ chức:

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 71 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội

Điện thoại: 024 3863 4656/57 Fax: 024 3863 1087

Mã số doanh nghiệp: 0100105599

2. Mục đích và các vấn đề xin ý kiến cổ đông:

Thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh (chi tiết tại tờ trình số 01 ngày 17/07/2024 đính kèm Biên bản này)

3. Thành phần Ban kiểm phiếu:

➤ Ban kiểm phiếu:

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Đỗ Tiến Lợi | - Chủ tịch HĐQT - Trưởng Ban |
| - Ông Trần Quang Hiến | - Giám đốc Công ty, thành viên HĐQT - Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Khắc Công | - Phó Giám đốc Công ty, thành viên HĐQT-Ủy viên |
| - Ông Lê Ngọc Cường | - Phó Giám đốc Công ty, thành viên HĐQT-Ủy viên |



- Ông Hoàng Thanh Long - Thành viên HĐQT - Ủy viên
- Ông Trịnh Xuân Đạo - Kế toán trưởng - Ủy viên

➤ Ban Giám sát kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Hùng Vĩ - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Khánh Chi - Cố đông không nắm giữ chức vụ quản lý

4. Nguyên tắc thực hiện kiểm phiếu:

- Phiếu biểu quyết: 01 cổ phiếu tương đương với 01 phiếu biểu quyết;
- Các phiếu xin ý kiến cổ đông không được gửi về trụ sở Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp trước 16h00 ngày 31/07/2024 được xem là không tham gia bỏ phiếu các nội dung biểu quyết;
- Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ là phiếu được gửi về Công ty sau thời gian đã quy định hoặc đã bị mở ra trước khi tiến hành kiểm phiếu;
- Các phiếu lấy ý kiến cổ đông đã được Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp gửi đến các cổ đông nhưng bị hoàn trả do địa chỉ mà cổ đông đã đăng ký không chính xác hoặc số điện thoại không còn sử dụng được xem là không tham gia biểu quyết.

5. Kết quả kiểm phiếu:

a. Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết:

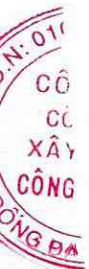
- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty : 3.800.000 phiếu
- Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty : 231 cổ đông
- Tổng số phiếu gửi về : 3.165.300 phiếu.
- Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết : 35 cổ đông

Trong đó:

- Số phiếu biểu quyết hợp lệ: 3.165.300 đạt 100 % tổng số phiếu gửi về
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu đạt 0 % tổng số phiếu gửi về
- Tổng số phiếu không tham gia biểu quyết : 634.700 phiếu;

Trong đó:

- Số phiếu lấy ý kiến không gửi về: 574.200 phiếu
- Số phiếu lấy ý kiến cổ đông bị hoàn trả do địa chỉ đã đăng ký không chính xác hoặc số điện thoại không còn sử dụng: 60.500 phiếu.



b. Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 3.165.300 phiếu đạt 100 % tổng số phiếu gửi về được tham gia biểu quyết, đạt 83,3 % tổng số phiếu biểu quyết của Công ty
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu đạt 0 % tổng số phiếu gửi về
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu đạt 0 % tổng số phiếu gửi về

6. Các quyết định được thông qua:

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu như trên, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp quyết định thông qua vấn đề cụ thể như sau:

- Thông qua việc thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh đạt 100% tổng số phiếu gửi về tham gia biểu quyết.

Biên bản kiểm phiếu này được lập tại trụ sở của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp, vào 17 giờ 00 phút ngày 6 tháng 08 năm 2024 và được công bố, lưu trữ tại trụ sở của Công ty./.

GIÁM ĐỐC



Trần Quang Hiến

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đỗ Tiên Lợi

CHỮ KÝ BAN KIỂM PHIẾU



Lê Ngọc Cường



Nguyễn Khắc Công



Hoàng Thanh Long



Trịnh Xuân Đạo

CHỮ KÝ BAN GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU



Nguyễn Hùng Vĩ



Nguyễn Khánh Chi

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP**

V/v lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp;
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh

I. Thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp như sau:

a) Ngành nghề kinh doanh đã đăng ký và được ghi nhận trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Tư vấn cho các chủ đầu tư trong và ngoài nước về các lĩnh vực: lập dự án, quản lý và tổ chức thực hiện dự án;</i>	7110
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh nhập khẩu máy móc, thiết bị và vật tư phục vụ chuyên ngành xây dựng, thể dục thể thao, vui chơi giải trí; Dịch vụ sắp xếp thư; Dịch vụ trông giữ xe;</i>	8299
5.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp <i>Chi tiết: Dịch vụ tổng hợp theo yêu cầu của khách hàng như: làm sạch thông thường bên trong, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng</i>	8110
7.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
8.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
9.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
10.	Phá dỡ	4311
11.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Chi tiết: Đại lý kinh doanh vật liệu xây dựng (không hoạt động môi giới, đấu giá);	4610
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ - Chi tiết: Hoạt động quản lý hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;	5225
17.	Xây dựng nhà ở - Chi tiết: Xây dựng công trình nhà ở;	4101(Chính)
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng và lắp đặt các công trình giao thông, lâm nghiệp, thủy lợi, thương nghiệp, thể dục thể thao và vui chơi giải trí; - Xây dựng công trình công nghiệp và xây dựng khác	4299
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
20.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ quản lý khu nhà ở, chung cư cao tầng;	6820
22.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
23.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển - Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
24.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
26.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao - Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện bê tông;	2395
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710

b) Danh mục các ngành nghề đăng ký thay đổi nội dung về ngành nghề kinh doanh chi tiết:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	<i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa do Công ty kinh doanh;</i>	
3.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4610
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
6.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	6820
9.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
10.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

c) Các ngành nghề kinh doanh đăng ký bổ sung thêm:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà không để ở	4102
2.	Xây dựng công trình điện	4221
3.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
4.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
5.	Xây dựng công trình thủy	4291
6.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
7.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
8.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không gồm kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
16.	Bán buôn tổng hợp (Không gồm hàng hóa Nhà nước cấm)	4690
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong	4752



STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	
18.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
19.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
20.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
21.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
22.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
23.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4789
24.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4791
25.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4799
26.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
27.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không gồm các dịch vụ liên quan đến tài chính, tín dụng và chứng khoán);	6619
28.	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	2396
29.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
30.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vỉ... - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;	2599
33.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
34.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
35.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không gồm hoạt động của đấu giá viên)	4530
37.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
38.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
39.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
40.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

II. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật và quyết định các nội dung, công việc, vấn đề phát sinh để thực hiện việc đăng ký bổ sung, cập nhật những ngành nghề kinh doanh trên cho Công ty tại Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



**TỔNG HỢP DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐÃ GỬI PHIẾU THAM GIA BIỂU QUYẾT
THÔNG QUA NGẠI QUYẾT CỦA ĐHCĐ NGÀY 06/8/2024**

Phụ lục 01

STT	Họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Quốc tịch	Số lượng CP	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	An Minh Sơn	Xóm 6 Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	Viet Nam	2.000	2.000		
2	Hàn Thị Tường Vân	P49-B13 TT Kim Liên, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	Viet Nam	2.500	2.500		
3	Lê Ngọc Cường	Số 15, ngõ 24, đường Kim Đồng, P. Giáp Bát, Q. Hoàng Mai, HN	Viet Nam	200	200		
4	Lê Thị Kim Loan	33 ngõ 88 Võ Thị Sáu, Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Viet Nam	3.000	3.000		
5	LÊ THỊ THANH	Số 38 Ngõ 94, Tổ 11, Phường Thương Thanh, Long Biên, Hà Nội	Viet Nam	11.300	11.300		
6	Lê Thị Thái Hoà	P27, nhà B2, TT Kim Liên, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, Hà Nội	Viet Nam	2.000	2.000		
7	Lê Tùng Lâm	21-08 tầng 21 (mới 71) Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Viet Nam	8.000	8.000		
8	Lê Việt Khoa	P2108 -71 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Viet Nam	10.000	10.000		
9	Lương Thị Mỹ Nhung	TDP số 2 Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Viet Nam	200	200		
10	Nguyễn Bảo Bình	C1501 THCCCT và DV N04 KĐTĐNTĐH, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Viet Nam	2.000	2.000		
11	Đỗ Thị Nguyệt	P2108 -71 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Viet Nam	10.000	10.000		
12	Nguyễn Diễm My	số 9 ngõ 286 đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, Hà Nội	Viet Nam	30.000	30.000		
13	Nguyễn Hùng Vĩ	A24, Lô 9, Khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	Viet Nam	200	200		
14	Nguyễn Khánh Chi	P1103 Tòa nhà 71 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Viet Nam	5.000	5.000		
15	Nguyễn Khắc Công	222 Ngõ Xuân Quảng, Triều Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Viet Nam	1.500	1.500		
16	Nguyễn Minh Tân	Tầng 26 số 71 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Viet Nam	11.400	11.400		
17	Nguyễn Thanh Hải	270 Ngõ Chợ, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	Viet Nam	36.500	36.500		
18	Nguyễn Thị Dung	TDP số 5 Hồ Thị, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Viet Nam	1.600	1.600		
19	Nguyễn Thị Ngọc	TDP số 4, phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Viet Nam	100	100		
20	Nguyễn Thị Thu Hương	46B Thị Sạch, Phạm Đình Hổ, HBT, Hà Nội	Viet Nam	1.000	1.000		
21	Nguyễn Thị Việt Hằng	P103 D3 Tổ 1 Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	Viet Nam	1.900	1.900		
22	Nguyễn Việt Vương	16 ngõ 52 Quan Nhân, tổ 1 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Viet Nam	2.900	2.900		
23	Nguyễn Văn Việt	P103 D3 Tổ 1 Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	Viet Nam	2.000	2.000		
24	Nguyễn Đình Hoan	Số nhà 103B4, tổ 2 (ngõ 2 đường Phương Canh), Phường Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Viet Nam	100	100		
25	Nguyễn Đức Hòa	Nhà B34 Lô TT6, Khu DT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	Viet Nam	200	200		
26	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TĂNG ĐỒ THỊ UDIC - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN	Số 27 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Viet Nam	3.006.800	3.006.800		
27	Ngô Thu Hằng	15 Ngõ 46 Quan Nhân Phường Trung Hòa Cầu Giấy	Viet Nam	1.700	1.700		
28	Phạm Thị Loan	TDP 3 Hồ Thị, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Viet Nam	1.400	1.400		
29	Phạm Quang Kết	Số 7 Ngõ 132 đường Cầu Giấy, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	Viet Nam	900	900		
30	Trần Quang Hiến	Phòng 09B, tòa nhà 1277 Giải Phóng, Q. Hoàng Mai, Hà Nội	Viet Nam	400	400		
31	Trịnh Xuân Đạo	Số 9, TDP số 2, Tu Hoàng, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Viet Nam	3.100	3.100		
32	Vũ Thị Dự	Số 2 Hẻm 100, 1, 4 To 18 Sài Dong Long Bien Hà Nội	Viet Nam	2.900	2.900		
33	Đinh Thị Thu Huyền	TDP 2 Tu Hoàng, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Viet Nam	100	100		



Handwritten signature/initials.

SST	Họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Quốc tịch	Số lượng CP	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
34	Đàm Văn Thảo	TT Công ty Xây Dựng Công Nghiệp, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	Viet Nam	2.300	2.300		
35	Đặng Thị Thu Nhân	903 tòa nhà Golden Palace Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	Viet Nam	100	100		
				3.165.300	3.165.300		

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT


Nguyễn Hùng Vĩ

CHỦ TỊCH HĐQT - TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU





